ĐỀ KIỂM TRA TIẾNG ANH

Ôn hè tiếng Anh A2 (mức chuẩn)

15 câu · Thời gian gợi ý: 25 phút

Họ và tên: .....

Lớp: ..... Ngày: ...../...../.....

Điểm

Câu 1. *Write the missing word(s).*

Five _____ (child) are in the park.

Câu 2. *Choose the correct answer.*

Tom ☐_ a picture right now.

A. draws
B. is drawing
C. drawing
D. are drawing

Câu 3. *Find the mistake and fix it.*

I am going to watching a film tonight.

Gạch chân chỗ sai rồi viết lại cả câu cho đúng:

.....

Câu 4. *Choose the correct answer.*

I think it ☐_ sunny tomorrow.

A. wills be
B. will to be
C. is be
D. will be

Câu 5. *Write the missing word(s).*

_____ (this / that) is my pen. It's in my hand.

Câu 6. *Put the words in order.*

myself | made | this | sandwich | I

Viết lại câu cho đúng:

.....

Câu 7. *Write the missing word(s).*

This is the _____ (comfortable) chair in the house.

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

© Mầm Học · mamhoc.com – Tài liệu học tập dành cho gia đình, không sao chép để kinh doanh

Câu 8. *Which sentence is correct?*

A. They aren't in the library.
B. They don't in the library.
C. They am not in the library.
D. They not in the library.

Câu 9. *Find the mistake and fix it.*

I didn't go out because of it was raining.

Gạch chân chỗ sai rồi viết lại cả câu cho đúng:

.....

Câu 10. *Find the mistake and fix it.*

The ball is at the box. It is inside.

Gạch chân chỗ sai rồi viết lại cả câu cho đúng:

.....

Câu 11. *Choose the correct answer.*

Wait for ☐_! We are coming.

A. our B. us C. ours D. we

Câu 12. *Read the text. Choose the word for the gap.*

Tom loves football, but he ☐ like tennis. He thinks it is boring.

A. don't B. isn't C. doesn't D. not

Câu 13. *Write the missing word(s).*

We have _____ (a / an) English lesson today.

Câu 14. *Choose the correct answer.*

We were tired of ☐_ the same game.

A. playing B. to play C. played D. play

Câu 15. *Write the missing word(s).*

Is your English good _____ to read this book? (enough / too)

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

ĐÁP ÁN

Mã đề EN-OHA2-15-C-62841 · Ôn hè tiếng Anh A2 (mức chuẩn)

Câu 1: Five children are in the park. · Plural nouns & a / some
Số nhiều bất quy tắc: children.

Câu 2: B. is drawing · Present continuous
"Right now" → Tom is drawing.

Câu 3: I am going to watch a film tonight. · Be going to
Sau "going to" dùng động từ nguyên mẫu, không thêm -ing: going to watch.

Câu 4: D. will be · Will / be going to
will + động từ nguyên mẫu, không thêm -s, không có "to": will be.

Câu 5: This is my pen. It's in my hand. · Have got, this / that & possessives
Vật ở gần, số ít → this.

Câu 6: I made this sandwich myself. · Pronouns
myself đặt cuối câu để nhấn mạnh: tự tay làm.

Câu 7: This is the most comfortable chair in the house. · Comparatives & superlatives
comfortable là tính từ dài → the most comfortable.

Câu 8: A. They aren't in the library. · To be
Phủ định với to be: thêm not sau are → They aren't (are not).

Câu 9: I didn't go out because it was raining. · Questions, question tags & conjunctions
Trước cả mệnh đề (it was raining) dùng because; because of + danh từ.

Câu 10: The ball is in the box. It is inside. · Prepositions
Ở bên trong hộp → in the box.

Câu 11: B. us · Wh- questions & object pronouns
Sau giới từ for dùng đại từ tân ngữ: us.

Câu 12: C. doesn't · In context · Hội thoại, nối, đoạn văn
Phủ định ngôi he ở hiện tại đơn: doesn't + like.

Câu 13: We have an English lesson today. · A / an / the
"English" bắt đầu bằng nguyên âm → an.

Câu 14: A. playing · Verb + to V / V-ing
Sau giới từ of dùng V-ing: tired of playing.

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký

Câu 15: **Is your English good enoughto read this book? (enough / too)** · Too / enough & as ... as

good enough to read = đủ giỏi để đọc.

mamhoc.com

Quét QR: bé học tiếp
mamhoc.com/play
Không cài đặt, không đăng ký